

Đơn vị : CÔNG TY CP ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

(TAN CANG SONG THAN ICD JSC)

Địa chỉ : Số 7/20 ĐT 743, KP Bình Đáng, Bình Hoà, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam
(No.7/20 DT 743 St., Binh Dang Quarter, Binh Hoa Ward, Ho Chi Minh City,
Vietnam)

Mã số thuế : 3700785006

(Tax Code: 3700785006)

-----* * * * *



BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ (FINANCIAL STATEMENT)

QUÝ 1 - NĂM 2026/ (QUARTER 1/2026)

*** Gồm các biểu/Reports:**

- 1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh /Income statement**
- 2. Báo cáo tình hình tài chính/ Statement of financial position**
- 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ/ Cash Flow statement**
- 4. Thuyết minh báo cáo tài chính/ Notes to the financial statement**

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÔNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20, đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 1 Năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	131.963.648.435	118.012.524.261	131.963.648.435	118.012.524.261
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		131.963.648.435	118.012.524.261	131.963.648.435	118.012.524.261
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	90.084.087.227	85.813.115.934	90.084.087.227	85.813.115.934
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		41.879.561.208	32.199.408.327	41.879.561.208	32.199.408.327
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-	-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	624.613.611	386.907.103	624.613.611	386.907.103
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	237.178.149	411.030.581	237.178.149	411.030.581
Trong đó: chi phí đi vay	24		237.178.149	411.030.581	237.178.149	411.030.581
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	559.888.975	669.002.176	559.888.975	669.002.176
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	12.387.404.305	10.767.190.569	12.387.404.305	10.767.190.569
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 + 22 - (23 + 25 + 26)}	30		29.319.703.390	20.739.092.104	29.319.703.390	20.739.092.104
12. Thu nhập khác	31	VI.7	33.363.333	440.033.333	33.363.333	440.033.333
13. Chi phí khác	32		6.089.340	7.103.988	6.089.340	7.103.988
14. Lợi nhuận khác	40		27.273.993	432.929.345	27.273.993	432.929.345
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		29.346.977.383	21.172.021.449	29.346.977.383	21.172.021.449
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		5.869.395.477	4.234.404.290	5.869.395.477	4.234.404.290
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		23.477.581.906	16.937.617.159	23.477.581.906	16.937.617.159
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1.259	929	1.259	929
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	1.259	929	1.259	929

Người lập biểu

Đinh Anh Huy

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hựu

Phê duyệt, ngày 20 tháng 04 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật



Trần Trí Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20, đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		155.837.910.158	156.181.137.270
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	44.548.604.006	72.517.983.080
1. Tiền	111		19.548.604.006	12.517.983.080
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.000.000.000	60.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	10.000.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		10.000.000.000	-
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		90.881.568.926	72.300.893.469
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	78.963.642.358	58.150.417.693
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.071.288.882	3.304.665.697
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5	12.730.990.323	12.730.162.716
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.6	(1.884.352.637)	(1.884.352.637)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		10.407.737.226	11.362.260.721
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.7	10.407.737.226	9.220.607.961

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162	-	2.141.652.760
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165	-	-

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		374.931.752.105	385.949.874.872
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	V.5	23.907.000.000	24.857.522.976
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215		23.907.000.000	24.857.522.976
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		107.170.590.833	115.290.957.310
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	106.479.067.958	114.844.108.072
<i>Nguyên giá</i>	222		486.051.748.794	485.715.039.373
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(379.572.680.836)	(370.870.931.301)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	691.522.875	446.849.238
<i>Nguyên giá</i>	228		6.207.471.818	5.898.771.818
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5.515.948.943)	(5.451.922.580)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
<i>Nguyên giá</i>	234		-	-
<i>Giá trị khấu hao lũy kế</i>	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		2.834.330.175	1.415.853.342
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		2.834.330.175	1.415.853.342

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	V.2	18.847.773.081	18.847.773.081
1. Đầu tư vào công ty con	261		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		12.391.312.981	12.391.312.981
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		6.456.460.100	6.456.460.100
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		222.172.058.016	225.537.768.163
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.7	222.172.058.016	225.537.768.163
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		530.769.662.263	542.131.012.142
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		237.029.762.710	267.286.942.597
I. Nợ ngắn hạn	310		140.586.061.524	167.243.241.415
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	31.066.564.834	57.483.236.424
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.791.745	310.015.117
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.11	6.297.564.393	6.727.425.539
5. Phải trả người lao động	315		11.105.894.337	17.899.868.745
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.12	66.744.291.220	57.640.124.214
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	V.13	-	593.520.000
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.14	15.634.259.468	13.707.207.747
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.15	4.400.000.000	4.400.000.000
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.17	5.333.695.527	8.481.843.629
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		96.443.701.186	100.043.701.182
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338	V.14	87.807.508.196	90.307.508.192
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.15	7.389.829.137	8.489.829.137
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343	V.16	1.246.363.853	1.246.363.853
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.18	293.739.899.553	274.844.069.545
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.084.920.000	150.084.920.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.084.920.000	150.084.920.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		89.899.165.997	80.578.792.962
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		53.755.813.556	44.180.356.583
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		44.180.356.583	1.763.212.244
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		9.575.456.973	42.417.144.339
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		530.769.662.263	542.131.012.142

Phê duyệt, ngày 20 tháng 04 năm 2026

Người lập biểu

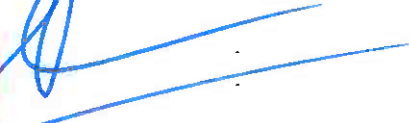
Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật









Đinh Anh Huy

Nguyễn Văn Hựu

Trần Trí Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20, đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Quý 1 Năm 2026

		Đơn vị tính: VND	
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	
		Năm nay	Năm trước (*)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	115.866.682.323	121.321.398.535
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(88.131.713.038)	(80.583.330.888)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(22.840.977.348)	(22.400.953.011)
4. Chi phí đi vay đã trả	04	(237.178.149)	(445.654.496)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(5.594.636.911)	(4.883.200.107)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	10.177.981.544	14.121.261.439
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(36.173.816.685)	(18.709.884.105)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(26.933.658.264)	8.419.637.367
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(560.334.421)	(636.328.974)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	397.870.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	624.613.611	386.907.103
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	64.279.190	148.448.129

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33			
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.100.000.000)	(5.323.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(1.100.000.000)</i>	<i>(5.323.000.000)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(27.969.379.074)	3.245.085.496
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	72.517.983.080	90.088.675.948
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	44.548.604.006	93.333.761.444

Người lập biểu

Đinh Anh Huy

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hựu

Phê duyệt, ngày 20 tháng 04 năm 2026
Người đại diện theo pháp luật



Trần Trí Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ kho, bãi và các dịch vụ đi kèm (bốc xếp, nâng hạ, vận chuyển,...).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương	Số 7/20, Đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận tải, kho bãi	36%	36%	36%
Công ty Cổ phần Unithai Maruzen Logistics Việt Nam	Tầng 3 Số 164 Nguyễn Công Trứ, Phường Bến Thành, thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận tải, dịch vụ đại lý hải quan, kho bãi và lưu trữ hàng hóa	20%	20%	20%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ 3 tháng đầu năm, Công ty có 173 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 173 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí chờ phân bổ này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí chờ phân bổ của Công ty chủ yếu bao gồm:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí thi công, cải tạo

Chi phí thi công, cải tạo phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Tiền thuê cơ sở hạ tầng

Tiền thuê cơ sở hạ tầng thể hiện khoản tiền thuê đã trả cho cơ sở hạ tầng Công ty đang sử dụng. Tiền thuê cơ sở hạ tầng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 15
Máy móc và thiết bị	3 - 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 9
Tài sản cố định khác	5

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÔNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 2 - 5 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÔNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm:

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính cho 1 năm làm việc.

Tăng, giảm số dư dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu. Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 31 THÁNG 3

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	73.823.835	254.016.948
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.474.780.171	12.263.966.132

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>)	25.000.000.000	60.000.000.000
Cộng	44.548.604.006	72.517.983.080

2. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.000.000.000	-	-	-
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc 6 tháng	10.000.000.000	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết	12.391.312.981	-	12.391.312.981	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương ⁽ⁱ⁾	11.440.000.000	-	11.440.000.000	-
Công ty Cổ phần Maruzen Unithai Logistics Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	951.312.981	-	951.312.981	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	6.456.460.100	-	6.456.460.100	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội ⁽ⁱⁱⁱ⁾	6.456.460.100	-	6.456.460.100	-
Cộng	19.847.773.081	-	18.847.773.081	-

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700923658 thay đổi lần thứ 11 ngày 21 tháng 06 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh) cấp, Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương có vốn điều lệ là 30.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty sở hữu 1.080.000 cổ phần tương ứng 36% vốn điều lệ (không thay đổi so với số đầu năm).

(ii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411032000038 ngày 16 tháng 4 năm 2008 do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty Cổ phần Unithai Maruzen Logistics Việt Nam có vốn điều lệ là 2.400.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty sở hữu 48.000 cổ phần tương ứng 20% vốn điều lệ (không thay đổi so với số đầu năm).

(iii) Công ty ủy thác cho Công ty mẹ đầu tư cổ phiếu vào Ngân hàng TMCP Quân đội. Sau khi thực hiện cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư được xác định lại là 6.456.460.100 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số lượng cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quân đội mà Công ty ủy thác đầu tư là 2.013.349 cổ phiếu (số đầu năm là 2.013.349 cổ phiếu)

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư cổ phiếu Ngân hàng TMCP Quân đội tại ngày 31 tháng 3 năm 2026 là 53.253.081.050 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 50.937.729.700 VND).

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Tình hình hoạt động của các công ty liên kết*

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty liên kết như sau:

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	669.533.930	528.195.536
Mua hàng và sử dụng dịch vụ	4.634.692.670	1.747.932.237
Nhận cổ tức của công ty liên kết	-	-
Công ty Cổ phần Unithai Maruzen Logistics Việt Nam		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	915.919.342	399.177.549
Nhận cổ tức của công ty liên kết	-	-

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	3.842.350.840	6.344.112.755
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	3.034.802.839	5.536.564.754
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Bình Dương	207.116.403	421.309.058
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	314.589.488	249.789.488
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh	96.461.064	184.939.200
Công ty Cổ phần Unithai Maruzen Logistics Việt Nam	189.381.046	151.578.806
Phải thu các khách hàng khác	75.121.291.518	51.806.304.938
Công ty Cổ phần Mondelez Kinh Đô Việt Nam	8.090.432.769	5.837.361.543
Công ty TNHH Kimberly - Clark Việt Nam	22.832.221.065	10.029.292.340
Công ty TNHH Fes (Việt Nam)	3.137.271.732	6.828.517.508
Các khách hàng khác	41.061.365.952	29.111.133.547
Cộng	78.963.642.358	58.150.417.693

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Công nghệ không gian	-	1.166.219.551
Công ty Cổ phần Sky link	-	617.975.600
Các nhà cung cấp khác	1.071.288.882	1.520.470.546
Cộng	1.071.288.882	3.304.665.697

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	3.929.306.125	-	3.751.996.846	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	3.558.226.525	-	3.341.352.726	-
- Lợi nhuận hợp tác kinh doanh	870.166.756	-	903.815.933	-
- Vốn góp hợp tác kinh doanh ⁽¹⁾	2.688.059.769	-	2.437.536.793	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về chi hộ	371.079.600	-	410.644.120	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	369.329.600	-	407.385.720	-
Công ty Cổ phần Unithai Maruzen Logistics Việt Nam	1.750.000	-	3.258.400	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	8.801.684.198	-	8.978.165.870	-
Đặt cọc, ký quỹ, ký cược	483.000.000	-	485.100.000	-
Tạm ứng	3.289.205.255	-	1.787.366.749	-
Các khoản chi hộ, nhờ thu hộ	5.029.478.943	-	5.679.379.583	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	-	-	1.026.319.538	-
Cộng	12.730.990.323	-	12.730.162.716	-

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	22.000.000.000	-	22.950.522.976	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	22.000.000.000	-	22.950.522.976	-
- Đặt cọc, ký quỹ, ký cược ⁽ⁱⁱ⁾	22.000.000.000	-	22.000.000.000	-
- Vốn góp hợp tác kinh doanh ⁽ⁱ⁾	-	-	950.522.976	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.907.000.000	-	1.708.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	1.907.000.000	-	1.708.000.000	-
Cộng	23.907.000.000	-	24.658.522.976	-

- (i) Các khoản vốn góp hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng (“Tân Cảng IDI”), trong đó, Tân Cảng IDI là đơn vị vận hành và thực hiện các nghĩa vụ nộp và kê khai thuế, chi tiết như sau:

Bên tham gia hợp tác kinh doanh	Mục đích	Thời hạn
Công ty, Tân Cảng IDI và Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Bình Dương	Xây dựng và khai thác bãi container	10 năm (kể từ ngày 24/8/2015)
Công ty, Tân Cảng IDI và Công ty Cổ phần Dịch vụ bay và Du lịch biển Tân Cảng	Xây dựng và khai thác kho số 21	49 năm (từ năm 2016 đến năm 2065)

Các hợp đồng hợp tác kinh doanh này đều phân chia lợi nhuận sau thuế hàng năm theo tỷ lệ góp vốn của các bên. Thời hạn thu hồi vốn góp trong vòng 10 năm kể từ ngày bắt đầu hợp đồng, dựa trên tỷ lệ khấu hao tương ứng với tỷ lệ vốn góp. Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, hợp đồng hợp tác kinh doanh xây dựng và khai thác kho số 21 đã thu hồi hết vốn góp.

- (ii) Đặt cọc thuê kho 21 thời hạn 10 năm từ 06/12/2016 đến hết ngày 05/12/2026, được gia hạn đến ngày 05 tháng 12 năm 2031

6. Nợ xấu

Là các khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi của các khách hàng có thời gian quá hạn trên 3 năm, tỷ lệ trích lập dự phòng 100%.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Phát triển	1.435.552.637	1.435.552.637

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Logistics Toàn Cầu		
Công ty TNHH Gokce & Ayca Logistics	448.800.000	448.800.000
Cộng	1.884.352.637	1.884.352.637
Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	1.884.352.637	1.884.352.637
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	1.884.352.637	1.884.352.637
7. Chi phí chờ phân bổ		
7a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa, chỉnh trang	10.407.737.226	9.220.607.961
Cộng	10.407.737.226	9.220.607.961
7b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	348.888.890	401.222.223
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng ⁽ⁱ⁾	215.935.234.919	217.521.267.692
Chi phí sửa chữa, chỉnh trang ⁽ⁱⁱ⁾	5.390.996.607	7.071.752.746
Chi phí phần mềm	496.937.600	543.525.500
Cộng	222.172.058.016	225.537.768.163

(i) Đây là khoản tiền thuê cơ sở hạ tầng của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (công ty mẹ) tại Phường Bình Hòa, thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng số 532/TCT-KHKD ngày 1 tháng 6 năm 2016 và các phụ lục kèm theo. Thời hạn thuê là 48 năm kể từ ngày 1 tháng 6 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2064 và thời hạn thanh toán khoản tiền thuê này là trong vòng 10 năm kể từ năm 2017 đến năm 2026.

(ii) Đây là khoản chi phí sửa chữa, chỉnh trang văn phòng, nhà kho, hạ tầng điện nước, giao thông của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SỐNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	412.835.803.135	41.069.342.747	13.462.076.706	18.124.816.785	223.000.000	485.715.039.373
Mua trong năm	336.709.421	-	-	-	-	336.709.421
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	413.172.512.556	41.069.342.747	13.462.076.706	18.124.816.785	223.000.000	486.051.748.794
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	329.342.561.308	18.064.570.933	9.511.551.133	13.729.247.927	223.000.000	370.870.931.301
Khấu hao trong kỳ	6.932.743.034	1.177.258.668	257.023.014	334.724.819	-	8.701.749.535
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	336.275.304.342	19.241.829.601	9.768.574.147	14.063.972.746	223.000.000	379.572.680.836
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	83.493.241.827	23.004.771.814	3.950.525.573	4.395.568.858	-	114.844.108.072
Số cuối kỳ	76.897.208.214	21.827.513.146	3.693.502.559	4.060.844.039	-	106.479.067.958
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Chương trình phần mềm, cụ thể như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	5.898.771.818	(5.451.922.580)	446.849.238
Mua trong năm	308.700.000	-	308.700.000
Khấu hao trong năm	-	(64.026.363)	(64.026.363)
Số cuối năm	6.207.471.818	(5.515.948.943)	691.522.875

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 5.451.521.818

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	12.080.272.530	9.203.871.298
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	1.939.438.101	11.842.731.016
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	2.378.257.352	4.756.514.704
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Bình Dương	1.260.954.874	2.290.838.758
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	1.635.112.299	1.214.754.000
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC	-	1.777.577.500
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	30.440.500	52.940.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	68.247.100	83.382.400
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	11.307.600	6.955.200
Phải trả các nhà cung cấp khác	18.986.292.304	37.835.800.198
Cộng	31.066.564.834	57.483.236.424

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	1.793.751.765	(473.136.728)	1.320.615.037	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.768.088.714	5.651.828.788	(5.594.636.911)	4.825.280.591	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp bên hợp tác kinh doanh nộp hộ	-	217.566.689	(217.566.689)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.959.336.825	1.399.919.617	(3.207.587.677)	151.668.765	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	6.089.340	(6.089.340)	-	-
Cộng	6.727.425.539	9.069.156.199	(9.499.017.345)	6.297.564.393	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cung cấp dịch vụ cho các doanh nghiệp trong khu phi thuế quan, dịch vụ vận chuyển ra nước ngoài	0%
- Cung cấp nước sạch	5%

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tiếp theo)

- Cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi và các dịch vụ đi kèm 8% và 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	62.261.391.622	56.220.712.214
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	60.913.182.386	55.759.035.776
Chi phí sử dụng đất ^(*)	58.471.777.448	55.759.035.776
Chi phí sử dụng dịch vụ khác	2.441.404.938	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng		
- Bình Dương - Chi phí nhiên liệu, thuê nhân công	1.348.209.236	461.676.438
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	4.482.899.598	1.419.412.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.077.480.228	1.401.862.000
Chi phí vận chuyển	405.419.370	17.550.000
Cộng	66.744.291.220	57.640.124.214

(*) Đây là khoản chi phí sử dụng đất quốc phòng Công ty tạm tính từ năm 2020 đến nay, căn cứ theo:

- Nghị quyết số 132/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội, Nghị định số 26/2021/NĐ-CP ngày 25/3/2021 của Chính phủ và Thông tư số 58/2021/TT-BQP ngày 7/6/2021 của Bộ Quốc phòng;
- Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương quy định đơn giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Bình Dương;
- Các văn bản hướng dẫn số 4468/TCT-QLCS ngày 9/8/2021 của Cục Tài chính, Bộ Quốc phòng; Công văn số 1132/BQP-Kte ngày 18/4/2022 và Công văn số 1707/BQP-Kte ngày 24/5/2023 của Cục kinh tế, Bộ Quốc phòng về việc hướng dẫn xác định tiền sử dụng đất quốc phòng.

Công ty sẽ tiếp tục áp dụng đơn giá tạm tính này cho đến khi có văn bản thông báo chính thức của cấp có thẩm quyền về chi phí sử dụng đất phải nộp.

Công ty đã thanh toán chi phí sử dụng đất đến hết năm 2023, theo thông báo hàng năm của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn.

13. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn

Đây là khoản Doanh thu chờ phân bổ đến từ khoản tiền nhận trước theo các hợp đồng thuê kho, thuê văn phòng và phụ lục liên quan.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Nissin Logistics Việt Nam	-	533.520.000
Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	-	60.000.000
Cộng	-	593.520.000

14. Phải trả khác

14a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	295.368.719	541.084.195

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.199.343.789	1.132.438.671
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.170.546.997	9.488.472.000
Các khoản thu hộ	2.778.483.170	2.501.765.011
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	190.516.793	43.447.870
Cộng	15.634.259.468	13.707.207.747

14b. Phải trả dài hạn khác

Là các khoản nhận ký quỹ, ký cược liên quan đến các hợp đồng cho thuê kho.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH ITL Bình Dương	30.833.333.364	33.333.333.360
Công ty TNHH Logitem Việt Nam	27.407.600.710	27.407.600.710
Công ty TNHH Dịch vụ Chuỗi cung ứng DHL Việt Nam	24.639.074.122	24.639.074.122
Các đối tượng khác	4.927.500.000	4.927.500.000
Cộng	87.807.508.196	90.307.508.192

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

15. Vay

Là các khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Tân Bình Dương, bao gồm:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn đến hạn trả	4.400.000.000	4.400.000.000
- Hợp đồng năm 2025	4.400.000.000	4.400.000.000
Vay dài hạn	7.389.829.137	8.489.829.137
- Hợp đồng năm 2025	7.389.829.137	8.489.829.137
Cộng	11.789.829.137	12.889.829.137

Công ty có khả năng trả được các khoản vay.

Chi tiết phát sinh của các khoản vay như sau:

Năm nay

	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Vay dài hạn</u>
Số đầu năm	4.400.000.000	8.489.829.137
Số tiền vay phát sinh	-	-
Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả	1.100.000.000	(1.100.000.000)
Số tiền vay đã trả	(1.100.000.000)	-
Số cuối kỳ	4.400.000.000	7.389.829.137

Năm trước

	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Vay dài hạn</u>
Số đầu năm	21.292.000.000	11.553.438.302
Số tiền vay phát sinh	-	-
Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả	5.323.000.000	(5.323.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tiếp theo)

	Vay dài hạn đến hạn trả	Vay dài hạn
Số tiền vay đã trả	(5.323.000.000)	-
Số cuối kỳ	21.292.000.000	6.230.438.302
Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	4.400.000.000	4.400.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	7.389.829.137	8.489.829.137
Cộng	11.789.829.137	12.889.829.137

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán

16. Dự phòng phải trả***Dự phòng phải trả dài hạn***

	Số đầu năm	Tăng do trích lập trong kỳ	Số sử dụng trong kỳ	Số cuối kỳ
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.246.363.853	-	-	1.246.363.853
Cộng	1.246.363.853	-	-	1.246.363.853

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Cộng
Số đầu năm	7.298.576.192	1.183.267.437	8.481.843.629
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	4.181.751.898	400.000.000	4.581.751.898
Tăng khác	187.500.000	-	187.500.000
Chi quỹ trong năm	(7.400.400.000)	(517.000.000)	(7.917.400.000)
Số cuối kỳ	4.267.428.090	1.066.267.437	5.333.695.527

18. Vốn chủ sở hữu***18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	150.084.920.000	52.565.109.263	34.845.673.585	237.495.702.848
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	16.937.617.159	16.937.617.159
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(2.997.208.871)	(2.997.208.871)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	5.081.285.148	(5.081.285.148)	-
Số dư cuối kỳ trước	150.084.920.000	57.646.394.411	43.704.796.725	251.436.111.136
Số dư đầu năm nay	150.084.920.000	80.578.792.962	44.180.356.583	274.844.069.545
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	23.477.581.906	23.477.581.906
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(4.581.751.898)	(4.581.751.898)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	9.320.373.035	(9.320.373.035)	-
Số dư cuối kỳ này	150.084.920.000	89.899.165.997	53.755.813.556	293.739.899.553

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tiếp theo)**18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	76.544.200.000	76.544.200.000
Công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu	35.685.140.000	35.685.140.000
Các cổ đông khác	37.855.580.000	37.855.580.000
Cộng	150.084.920.000	150.084.920.000

18c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	15.008.492	15.008.492
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	15.008.492	15.008.492
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	15.008.492	15.008.492

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính**Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 22.911,98 USD (số đầu năm là 22.915,28 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ kho bãi và các dịch vụ đi kèm	102.718.238.434	101.289.858.216
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	25.591.872.021	14.076.794.555
Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	3.653.537.980	2.645.871.490
Cộng	131.963.648.435	118.012.524.261

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty còn phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	4.302.355.665	1.143.183.662
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	231.286.563	231.286.563
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh	144.036.700	160.165.500
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	-	44.250.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ kho bãi và các dịch vụ đi kèm	65.717.029.210	71.763.206.004
Giá vốn dịch vụ vận chuyển	22.801.353.482	12.533.699.736
Giá vốn từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	1.565.704.535	1.516.210.194
Cộng	90.084.087.227	85.813.115.934

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	624.613.611	386.907.103
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	-
Cộng	624.613.611	386.907.103

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí đi vay	237.178.149	411.030.581
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	-
Cộng	237.178.149	411.030.581

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hội nghị	559.888.975	669.002.176
Cộng	559.888.975	669.002.176

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.766.000.000	5.257.500.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	335.949.479	831.864.886
Thuế, phí và lệ phí	113.230.888	100.958.994
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.172.223.938	4.576.866.689
Cộng	12.387.404.305	10.767.190.569

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	-	-
Tiền bán phế thải, vật tư, công cụ đã qua sử dụng	-	361.700.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thuê trạm nhiên liệu	33.333.333	33.333.333
Thu nhập khác	30.000	45.000.000
Cộng	33.363.333	440.033.333

8. Lãi trên cổ phiếu**8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	23.477.581.906	16.937.617.159
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.581.751.898)	(2.997.208.871)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	18.895.830.008	13.940.408.288
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	15.008.492	15.008.492
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.259	929

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty gồm:

Bên liên quan**Mối quan hệ**

Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Bình Dương	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Unithai Maruzen Logistics Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Tiếp vận Tân Cảng Hồng Ngọc Phú Quốc	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Miền Bắc	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Công ty cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tiếp theo)

được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chia cổ tức		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	-	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu	-	-
Mua hàng và sử dụng dịch vụ		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	7.777.939.954	20.338.783.103
Sử dụng dịch vụ	2.563.591.482	1.488.070.995
Chi phí chờ phân bổ thuê cơ sở hạ tầng	-	13.636.363.636
Chi phí sử dụng đất quốc phòng và phương tiện sản xuất	5.214.348.472	5.214.348.472
Công ty Cổ phần ICD Tân cảng – Long Bình	-	113.950.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	63.133.500	8.917.500
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	6.486.156.414	6.486.156.414
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC	18.900.000	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	91.321.500	79.410.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	3.709.252.127	1.903.883.487
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	34.615.000	1.800.000

Công nợ với các bên liên quan

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V5, V.10, V.12 và V.14.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ kho bãi và các dịch vụ đi kèm, thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý địa lý.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Phê duyệt, ngày 20 tháng 04 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật



Đinh Anh Huy

Nguyễn Văn Hựu

Trần Trí Dũng